|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN** | | | |
| **KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN** | | | Học kỳ: 1 | Năm học: | **2021 - 2022** |
| Mã học phần: 7KE0120 Tên học phần: BÁO CÁO THUẾ | | | | | |
| Mã nhóm lớp HP: | 211\_7KE0120\_01- LẦN 1 | | | | |
| Thời gian làm bài: | 90 (phút) | | | | |
| Hình thức thi: | **Thi trên máy tính/ phần mềm HTKK (file nộp Excel)** | | | | |
| **Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ):**  ***Gợi ý:***  - SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;  - Upload file bài làm (excel);  - Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt). | | | | | |

Công ty TNHH Nhà hàng Ray (gọi tắt là Công ty) MST: 0316086229, địa chỉ 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 4, Quận 4, TP. HCM do Chi cục thuế Quận 4 TP.HCM quản lý.

Công ty kinh doanh nhà hàng, kê khai theo phương pháp khấu trừ, kỳ kê khai thuế GTGT và thuế TNCN theo tháng, thuế suất thuế TNDN 20%.

**Câu 1: Kê khai thuế Giá trị gia tăng (GTGT) (3 điểm)**

* 1. Vào ngày 20/10/2021 Công ty đang lập Tờ khai thuế GTGT tháng 9/2021 với thông tin các hóa đơn đầu vào ra như sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang |  | 20.000.000 |
| Giá trị và thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ | 4.000.000.000 | 390.000.000 |
| Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này |  | 300.000.000 |
|  |  |  |
| Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% | 2.000.000.000 | 100.000.000 |
| Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% | 5.000.000.000 | 500.000.000 |

Ngoài ra còn các phát sinh sau đây:

1. Phát hiện một hóa đơn đầu vào của tháng 05/2021 chưa được đưa vào tờ khai: Giá trị chưa thuế 10.000.000 đồng, VAT 1.000.000 đồng.
2. Ngày 30/9/2021 xuất thêm một hóa đơn điều chỉnh giảm giá bán với số tiền điều chỉnh là 20.000.000 đ, VAT 2.000.000 đ.

Yêu cầu: Lập tờ khai thuế GTGT tháng 09/2021 (1,5 điểm).

* 1. Vào ngày 22/10/2021 Công ty phát hiện Tờ khai thuế GTGT tháng 09/2021 nêu trên đã khai sai do:

1. Đầu vào đã kê khai cao hơn thực tế 60.000.000 đồng, VAT 6.000.000 đồng.
2. Có một hóa đơn đầu vào của tháng 09/2021 đã được thanh toán bằng tiền mặt trong tháng 09/2021: Giá trị chưa thuế 50.000.000 đ, VAT 5.000.000 đ.

Yêu cầu: Hãy xử lý trường hợp trên vào phần mềm kê khai thuế (1,5 điểm).

***Câu 2*: Kê khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) (3 điểm)**

Công ty có 04 lao động đều là cá nhân cư trú, quy chế công ty ban hành mức khoán chi phí đi lại 500.000 đồng/người/tháng; mọi khoản chi trả bằng tiền hoặc hiện vật đều được thực hiện một lần duy nhất vào cuối tháng.

Tháng 10/2021 có các khoản chi trả cho người lao động như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Loại HĐLĐ** | **Lương (chưa trừ bảo hiểm)** | **Thưởng** | **Trang phục (tiền)** | **Phụ cấp độc hại** | **Trợ cấp khó khăn đột xuất** | **Ăn trưa bằng tiền** | **Chi phí đi lại** |
| Ông A | 24 tháng | 36.000.000 | 10.000.000 | 6.000.000 | 2.000.000 |  | 1.000.000 | 1.000.000 |
| Ông B | 12 tháng | 24.000.000 | 8.000.000 | 5.000.000 | 500.000 |  | 800.000 | 800.000 |
| Ông C | 4 tháng | 10.000.000 | 500.000 | 4.000.000 |  | 2.000.000 | 500.000 | 700.000 |
| Ông D | 2 tháng | 4.500.000 |  | 2.000.000 |  |  | 500.000 | 300.000 |
| Bà E | 1 tháng | 1.500.000 |  | 0 |  |  |  | 200.000 |
| **Cộng** |  | **76.000.000** | **18.500.000** |  | **2.500.000** | **2.000.000** | **2.800.000** | **3.000.000** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** | **Trừ bảo hiểm bắt buộc (10,5%)** | **MST cá nhân** | **MST người phụ thuộc** | **Số Người Phụ thuộc** | **Cam kết 02/CK-TNCN** |
| Ông A | 3.780.000 | Có | Có | 2 |  |
| Ông B | 2.520.000 | Không | Không | 1 |  |
| Ông C | 1.050.000 | Có | Có | 1 |  |
| Ông D |  | Có | Có | 1 | Không |
| Bà E |  | Không | Không | 1 | Không |
| **Cộng** | **7.350.000** |  |  |  |  |

**Yêu cầu:** Lập Tờ khai thuế TNCN tháng 10/2021 trên phần mềm kê khai thuế và file excel tính toán cùng với đề thi.

***Câu 3*: Kê khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (4 điểm)**

Bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay (đồng) |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 12.000.000.000 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 |  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01 - 02) | 10 | 12.000.000.000 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 7.000.000.000 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | 5.000.000.000 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 150.000.000 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 160.000.000 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 160.000.000 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 1.500.000.000 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 1.000.000.000 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} | 30 | 440.000.000 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 60.000.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 10.000.000 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | 50.000.000 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | 2.540.000.000 |

* 1. Bảng báo cáo trên đã phản ảnh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm, trong đó có các nghiệp vụ kinh tế sau:

1. Chi tiền giao dịch khách hàng và mua văn phòng phẩm không có hóa đơn chứng từ 50.000.000 đồng;
2. Ăn giữa ca chi bằng tiền trực tiếp cho người lao động: 05 người x 1.000.000 đ/người x 12 tháng; 10 người x 2.500.000 đồng/người x 12 tháng. Công ty có quy chế quy định tiền ăn giữa ca không được vượt quá 2.000.000 đồng/người/tháng;
3. Trả tiền thù lao cho ban kiểm soát không trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh 5.000.000 đồng/người/tháng x 2 người x 10 tháng;
4. Trang phục chi bằng tiền trực tiếp cho người lao động trong năm: 25 người x 7.000.000 đồng/người/năm và bằng hiện vật có hoá đơn chứng từ: 20 người x7.000.000 đồng /người/năm;
5. Vay tiền của cá nhân bên ngoài 2.400.000.000 đồng, trả lãi trong 6 tháng với mức lãi suất 13%/năm, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố 6%/năm;
6. Các khoản tiền phạt về việc nộp chậm tiền thuế, vi phạm luật giao thông, vi phạm về an toàn vệ sinh lao động số tiền là 20.000.000 đồng;
7. Lãi chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính số tiền là 40.000.000 đ đồng;
8. Nhận cổ tức từ việc đầu tư cổ phiếu BAB theo giấy báo có của ngân hàng Agribank số tiền 45.000.000 đồng.
   1. Thông tin lỗ tính thuế của các năm trước như sau:
9. Năm 2015: 400.000.000 đồng, đã chuyển lỗ các ký tính thuế trước 300.000.000 đồng;
10. Năm 2017: 500.000.000 đồng.
    1. Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm:
11. Quý 1: 100.000.000 đồng;
12. Quý 2: 200.000.000 đồng;
13. Quý 3: 100.000.000 đồng.

**Yêu cầu:** Lập tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2020, các phụ lục kèm theo (nếu có) và file excel tính toán đính kèm cùng với đề thi **(4 điểm)**.

*Sinh viên sử dụng phần mềm HTKK để kê khai thuế, kết xuất dạng file Excel để nộp bài cùng với đề thi./.*

*Ngày biên soạn: 19/10/2021*

**Giảng viên biên soạn đề thi: Nguyễn Thị Thu Vân**

*Ngày kiểm duyệt: 20/10/2021*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email:[khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com)bao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).